

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 12-8-2026

*V/v xin ly hôn, tranh chấp
nuôi con chung, nợ chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Bá Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Công Trang

Ông Hoàng Văn Đoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Chu Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân khu vực 3 - Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, nợ chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số: 020191010*** do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 12/7/2021.

Nơi đăng ký thường trú: Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1989.

Căn cước công dân số: 020089007*** do Cục C về TTXH Bộ C1 cấp ngày 12/7/2021.

Nơi cư trú: Thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam . Địa chỉ: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Tổng Giám đốc. Đại diện

theo ủy quyền: Ngân hàng N2, chi nhánh B, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trung D - Giám đốc. Người được theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đường Việt N1 – Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2026). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn T vào ngày 09/11/2013, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (cũ) nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn, vào năm 2018 chị N phát hiện anh T có nhắn tin, hẹn hò, qua lại với người phụ nữ khác, chị N đã bỏ qua cho anh T nhưng đến năm 2022, anh T lại tiếp tục nhắn tin hẹn hò với người phụ nữ khác, mặc dù đã được chị N bỏ qua nhưng anh T thờ ơ, lạnh nhạt, không quan tâm đến vợ con, chị N đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh T không thay đổi. Mâu thuẫn giữa chị N và anh T kéo dài khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt, do vậy chị Hoàng Thị N yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên là Lê Thanh H, sinh ngày 14/3/2017 và Lê Gia H1, sinh ngày 13/9/2024. Khi ly hôn, chị Hoàng Thị N yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Gia H1 đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Thanh H đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung của vợ chồng: Theo đơn khởi kiện, chị Hoàng Thị N yêu cầu giải quyết về nợ chung là khoản vay của ngân hàng N2, chi nhánh B số tiền 100.000.000 đồng. Nhưng ngày 17/4/2026 đã thanh toán xong toàn bộ khoản vay, nay chị Hoàng Thị N không yêu cầu giải quyết về nợ chung và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung của vợ chồng.

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị N tổ chức lễ cưới vào ngày 09/11/2013, đăng ký kết hôn vào ngày 21/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (cũ) nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn. Trước khi kết hôn, anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, hai người chung sống cùng bố mẹ anh T tại thôn K, xã T. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị vẫn sống với nhau bình thường. Vào khoảng năm 2021-2022, vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn do chị N phát hiện anh T nhắn tin qua lại với người khác, anh T đã xin lỗi vợ và chị N cũng đã bỏ qua cho anh T, tuy nhiên đến tháng 3/2026, anh T lại tái phạm nên chị N nhất quyết ly hôn với anh T. Gia đình anh T cũng đã khuyên bảo chị N suy nghĩ lại nhưng không được. Vợ chồng anh chị chưa sống ly thân nhưng hai người đi làm xa nhau. Anh T1 thấy bản thân có lỗi với vợ con, nhận thấy tình cảm với chị N vẫn còn và mong được đoàn tụ với chị N.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 14/3/2017 và Lê Gia H1, sinh ngày 13/9/2024. Khi ly hôn, anh T1 yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thanh H đến khi đủ 18 tuổi, yêu cầu chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi cháu Lê Gia H1 đến khi đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Vay Ngân hàng N2 chi nhánh B số tiền 100.000.000đồng theo hình thức thấu chi để chi tiêu chung trong gia đình. Khi ly hôn, anh T1 yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả một nửa khoản vay trên, mỗi người 50.000.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N2 – Chi nhánh B, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Ngày 18/04/2025 bà Hoàng Thị N vay vốn Ngân hàng N2 (A) - Chi nhánh B1 theo hợp đồng tín dụng số 8410LAV202500628 với số tiền là 100.000.00 đồng. (Một trăm triệu đồng) để thanh toán các chi phí phục vụ nhu cầu đời sống. Vào ngày 17/4/2026, chị Hoàng Thị N đã tắt toán khoản vay trên cho Ngân hàng, do vậy Ngân hàng A không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Tại biên bản lấy lời khai cháu Lê Thanh H là con chung của chị Hoàng Thị N và anh Lê Văn T, cháu có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại Công văn số 526/UBND-VP ngày 21/4/2026, của Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp thông tin về tình trạng hôn nhân cho biết: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 21/11/2013. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì Ủy ban nhân dân xã không nắm được do chị N và anh T không chung sống trên địa bàn xã.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán đã tiến hành tổ tụng đúng trình tự thủ tục, tiến hành thu thập chứng cứ, hướng dẫn đương sự viết tự khai, lấy lời khai nguyên đơn, con chưa thành niên, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt tại các buổi hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm mà không có lý do, chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271

và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Lê Văn T. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh H, sinh ngày 14/03/2017 cho anh Lê Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Gia H1, sinh ngày 13/9/2024 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về nợ chung của vợ chồng do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện do đã thanh toán xong nợ chung. Về án phí: chị Hoàng Thị N phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có nơi cư trú tại thôn K, xã T, tỉnh Lạng Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Hoàng Thị N vắng mặt nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt, còn đối với anh Lê Văn T quá trình giải quyết vụ án, đã có bản tự khai nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải và các phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, do vậy việc xét xử vắng mặt là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Lê Văn T là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn 21/11/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2013.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị N thấy rằng chị Hoàng Thị N và anh Lê Văn T trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu nhất trí kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T có qua lại với người phụ nữ khác mặc dù chị N đã bỏ qua nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn T trình bày vẫn còn tình cảm với chị Hoàng Thị N và yêu cầu được đoàn tụ nhưng anh T không có biện pháp để hòa giải mâu thuẫn giữa hai người. Nay chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và anh T mặc dù có nguyện vọng được đoàn tụ, nhưng không đến tham gia phiên hòa giải và phiên tòa nên xét thấy việc cho vợ chồng đoàn tụ không đảm bảo được cuộc sống hạnh phúc, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N.

[5] Về con chung: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Văn T có 02 người con chung là Lê Thanh H, sinh ngày 14/3/2017 và Lê Gia H1, sinh ngày 13/9/2024. Đối với cháu Lê Thanh H có nguyện vọng được ở với bố khi bố mẹ ly hôn, xét thấy hiện nay cháu đang có cuộc sống, sinh hoạt và học tập ổn định, nguyện vọng của cháu là tự nguyện và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh hiện tại của gia

đình, nên việc giao cháu cho anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi cho cháu, đảm bảo sự ổn định về cuộc sống và học tập cho cháu. Đối với cháu Lê Gia H1, chị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi, anh T đồng ý để chị N nuôi cháu H1 do vậy giao cháu Lê Gia H1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Trường hợp cần thiết các đương sự còn có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc chị Hoàng Thị N và anh Lê Văn T không ai yêu cầu người kia phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, vì vậy không xem xét về cấp dưỡng trong vụ án này. Trường hợp cần thiết các bên đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[8] Về vay nợ chung: Chị Hoàng Thị N và anh Lê Văn T vay ngân hàng N2, chi nhánh B số tiền 100.000.000đồng. Khoản vay này đã được thanh toán xong ngày 17/4/2026, nay các đương sự không có ý kiến, yêu cầu gì và nguyên đơn đã rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết về nợ chung của vợ chồng theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn phù hợp với các nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Chị Hoàng Thị N là nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Hoàng Thị N, xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Gia H1, sinh ngày 13/9/2024 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Lê Thanh H, sinh ngày 14/3/2017 cho anh Lê Văn T trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ yêu cầu giải quyết về nợ chung của vợ chồng do nguyên đơn có đơn xin rút yêu cầu vì đã thanh toán xong nợ chung.

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Tiền án phí được trừ vào số tiền chị Hoàng Thị N đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000813, ngày 15 tháng 4 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Xác nhận chị N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND khu vực 3 – Lạng Sơn;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nông Bá Hiệp

